|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **KỲ THI OLYMPIC QUẢNG NAM NĂM**  |
| **QUẢNG NAM****ĐỀ CHÍNH THỨC***(Đề thi có 01 trang)* | Môn: **Địa lí - Lớp 11**Thời gian: **150 phút** *(không tính thời gian giao đề)*Ngày thi: **21/3/2019** |
|  |  |

**Câu I *(4,0 điểm)*.**

1. Tại sao toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu của nền kinh tế thế giới trong giai đoạn hiện nay?

2. Trình bày đặc điểm đô thị hóa của các nước Mĩ La tinh. Đặc điểm đó ảnh hưởng như

thế nào đến phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia khu vực này?

**Câu II *(4,0 điểm)*.**

 1. Phân tích những thuận lợi và khó khăn của dân cư Hoa Kì trong phát triển kinh tế - xã hội.

 2. Vì sao phải xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định. Về mặt kinh tế, khi gia nhập ASEAN nước ta có những cơ hội và thách thức gì?

**Câu III *(4,0 điểm*).**

 1. Nêu các thành tựu về kinh tế Liên Bang Nga từ sau năm 2000 và giải thích nguyên nhân đạt được thành tựu đó.

 2. Giải thích tại sao ở Nhật Bản, lúa gạo là cây trồng chính nhưng diện tích trồng lúa ngày càng giảm?

**Câu IV *(4,0 điểm).***

 1. Trình bày những thuận lợi, khó khăn về tự nhiên của Trung Quốc trong phát triển kinh tế.

2. Chứng minh công nghiệp Trung Quốc có sự phân hóa về mặt lãnh thổ. Giải thích nguyên nhân của sự phân hóa đó.

**Câu V** ***(4,0 điểm).*** Cho bảng số liệu sau

**Giá trị xuất khẩu, cán cân thương mại hàng hóa, dịch vụ của một số**

**quốc gia năm 2015**

 ( *Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Hoa Kì** | **Trung Quốc** | **Nhật Bản** | **Hàn Quốc** |
| Giá trị xuất khẩu | 2246,3 | 2431,3 | 773,0 | 516,7 |
| Cán cân thương mại | -522,0 | 385,5 | -14,2 | 78,4 |

 *(Nguồn: Niên giám Thống kê VN, năm 2016)*

 Dựa vào bảng số liệu đã cho, hãy:

1. Tính giá trị nhập khẩu và tỉ trọng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của các quốc gia. Để thể hiện cơ cấu giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của các quốc gia trên thế giới năm 2015, thì loại biểu đồ nào thích hợp nhất?

2. Nhận xét cán cân thương mại hàng hóa, dịch vụ của các quốc gia năm 2015. Giải thích cán cân thương mại của Hoa Kì?

----HẾT----

*- Thí sinh được sử dụng tập bản đồ Địa lí thế giới và các khu vực để làm bài.*

*- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **KỲ THI OLYMPIC QUẢNG NAM NĂM 2019** |
| **QUẢNG NAM** |  **Môn: Địa lí - Lớp 11** |
| **ĐÁP ÁN CHÍNH THỨC***(Đáp án có 04 trang)* | **Thời gian: 150 phút** *(không tính thời gian giao đề)***Ngày thi: 21/3/2019** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT**

*Lưu ý: Giám khảo chấm đúng HDC, nếu thí sinh trình bày ý khác với HDC nhưng đúng thì cho điểm nhưng không được vượt tổng số điểm của ý hoặc câu đó.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I****4,0đ** | **1** | **Toàn cầu hóa lại là một xu thế tất yếu của nền kinh tế thế giới trong giai đoạn hiện nay, vì:** | **2,0** |
|  | - Khái niệm:Toàn cầu hóa là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới từ kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, công nghệ , môi trường… có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt kinh tế - xã hội thế giới. | 0,25 |
| - Do sự khác biệt về điều kiện tự nhiên, sự phát triển không đồng đều về kinh tế và khoa học kĩ thuật nên có sự khác nhau về điều kiện tái sản xuất giữa các quốc gia. | 0,5 |
| - Mỗi một quốc gia không thể có đầy đủ tất cả các nguồn lực để phát triển kinh tế; kinh tế - xã hội thế giới có nhiều biến đổi sâu sắc, tình hình chính trị thế giới có nhiều biến động phức tạp nên có sự hợp tác trên quy mô toàn cầu. | 0,5 |
| - Quá trình phát triển kinh tế tất yếu dẫn đến sự phân công lao động, xuất hiện một yêu cầu khách quan là cần phải tiến hành chuyên môn hóa sản xuất. Điều đó đòi hỏi phải mở rộng phạm vi trao đổi quốc tế. | 0,5 |
| - Sự đa dạng trong nhu cầu tiêu dùng của mỗi quốc gia nên quy mô trao đổi thương mại ngày càng lớn. | 0,25 |
| **2** | **Trình bày đặc điểm đô thị hóa của các nước Mĩ La tinh. Đặc điểm đó ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia khu vực này?**  | **2,0** |
|  | a) Đặc điểm đô thị hóa của các nước Mĩ La tinh |  |
| **-** Hiện tượng đô thị hóa tự phát. | 0,5 |
| **-** Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh. | 0,5 |
| b)Ảnh hưởng |  |
| - Tích cực: Ở một số quốc gia, đô thị hóa có tác động chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. | 0,5 |
| - Tiêu cực: Kìm hãm sự phát triển kinh tế và tình trạng thất nghiệp gay gắt, thiếu nhà ở, quản lí trật tự xã hội phức tạp. | 0,5 |
| **II****4,0đ** | **1** | **Phân tích những thuận lợi của dân cư Hoa Kì trong phát triển kinh tế - xã hội.** *(HS nêu đặc điểm dân cư, không phân tích được thuận lợi thì cho nửa số điểm của ý* ***1- Câu II****)* | **2,0** |
|  | - Dân số đông, tăng nhanh tạo nên một thị trường tiêu thụ rộng lớn, nguồn lao động dồi dào, đặc biệt là người nhập cư đem lại cho Hoa Kì nguồn lao động có trình độ cao, giàu kinh nghiệm. | 0,5 |
| - Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp, tỉ lệ dân số trong độ tuổi lao động cao, thuận lợi để nâng cao đời sống, phát triển kinh tế. | 0,5 |
| - Hoa Kì là quốc gia có thành phần dân cư nhiều chủng tộc, tạo điều kiện để đa dạng bản sắc văn hóa. | 0,5 |
| - Phân bố dân cư có nhiều thay đổi đã tạo thuận lợi trong khai thác các nguồn lực để phát triển kinh tế. | 0,5 |
| **2** | **a) Vì sao phải xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định.** | **0,75** |
|  | - Tạo dựng môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực có ý nghĩa chính trị - xã hội hết sức quan trọng, là xu hướng chung của thế giới ngày nay. | 0,25 |
| - Cơ sở vững chắc cho cho sự phát triển kinh tế, xã hội ở từng quốc gia, toàn khu vực và thế giới. | 0,25 |
| - Nâng cao vị thế của khối ASEAN trên trường quốc tế. | 0,25 |
| **b) Về mặt kinh tế, khi nước ta gia nhập ASEAN có những cơ hội và thách thức gì?** | **1,25** |
| - Cơ hội |  |
| + Mở rộng thị trường, tăng khả năng xuất khẩu hàng hóa nước ta. | 0,25 |
| + Việt Nam sẽ có cơ hội tăng cường thu hút FDI, cũng như mở rộng cơ hội đầu tư sang các nước ASEAN và cơ hội kinh doanh từ bên ngoài. | 0,25 |
| + Cơ hội tiếp cận các nguồn hỗ trợ về khoa học-công nghệ, học tập kinh nghiệm quản lý tiên tiến. | 0,25 |
| + Người tiêu dùng sẽ có nhiều lựa chọn về hàng hóa và dịch vụ với giá cả thấp và chất lượng cao hơn. | 0,25 |
| - Thách thức: Thách thức lớn nhất đối với Việt Nam là môi trường cạnh tranh gay gắt hơn do hội nhập kinh tế khu vực mang lại. (Hoặc chênh lệch về trình độ phát triển). | 0,25 |
| **III****4,0đ** | **1** |  **a) Thành tựu về kinh tế Liên Bang Nga đạt được sau năm 2000**.*(HS nêu và giải thích thêm mặt* ***xã hội*** *chỉ cho nửa số điểm ý* ***1 – câu III****)* | **1,0** |
|  | - Tốc độ tăng trưởng GDP khá cao. | 0,25 |
| - Sản lượng các ngành kinh tế tăng. | 0,25 |
| - Dự trữ ngoại tệ lớn, giá trị xuất siêu tăng. | 0,25 |
| -Thanh toán xong các khoản nợ nước ngoài. | 0,25 |
| **b) Nguyên nhân** | **1,0** |
| - LB Nga thực hiện chiến lược kinh tế mới từ năm 2000. | 0,5 |
| - Tiếp tục xây dựng nền kinh tế thị trường. | 0,25 |
| - Mở rộng ngoại giao, coi trọng hợp tác với châu Á. | 0,25 |
| **2** | **Giải thích tại sao ở Nhật Bản, lúa gạo là cây trồng chính nhưng diện tích trồng lúa ngày càng giảm?** | **2,0** |
|  | - Lúa gạo là cây trồng chính, vì: | 0,25 |
| + Lúa gạo là cây lương thực truyền thống và trong mỗi bưa ăn thường có cơm. | 0,25 |
| + Dân số Nhật Bản đông nên nhu cầu lúa gạo rất lớn. | 0,25 |
| + Điều kiện tự nhiên một số vùng và công nghệ sản xuất giống lúa đã tạo thuận lợi cho Nhật Bản trồng lúa gạo. | 0,25 |
| - Diện tích lúa giảm:  |  |
| + Do quá trình đô thị hóa nên đất nông nghiệp bị thu hẹp. | 0,25 |
| + Do chuyển đổi cơ cấu cây trồng: Nhật Bản phát triển các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn trồng lúa. | 0,25 |
| + Do thói quen ăn uống của người Nhật có nhiều thay đổi theo hướng đa dạng hơn, rõ nét nhất là sự xuất hiện của bánh mì. | 0,25 |
| + Nhờ phát triển theo hướng thâm canh, ứng dụng nhanh tiến bộ KH-KT và công  nghệ hiện đại nên năng suất lúa tăng. | 0,25 |
| **IV****4,0đ** | **1** | **Trình bày những thuận lợi về tự nhiên của Trung Quốc trong phát triển kinh tế.** *(HS chỉ nêu điều kiện, không nêu thuận lợi thì cho nửa số điểm của ý* ***1 – câu IV****)* | **3,0** |
|  | **\* Thuận lợi**  |  |
| - Miền Đông |  |
| + Đường bờ biển dài thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. | 0,25 |
| + Các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. | 0,25 |
| + Khí hậu phân hóa đa dạng (Bắc - Nam…), là cơ sở để đa dạng hóa nông sản. | 0,25 |
| + Mạng lưới sông ngòi với nhiều hệ thống sông lớn có giá trị về giao thông, thủy sản, bồi tụ phù sa, cung cấp nước sản xuất và sinh hoạt.  | 0,25 |
| + Vùng đồi núi có rừng và đồng cỏ để phát triển lâm nghiệp và chăn nuôi. | 0,25 |
| + Khoáng sản: Giàu tài nguyên khoáng sản, tạo điều kiện để phát triển công nghiệp. | 0,25 |
| - Miền Tây |  |
| + Rừng và đồng cỏ để phát triển lâm nghiệp và chăn nuôi. | 0,25 |
| + Sông ngòi có giá trị lớn về thủy điện. | 0,25 |
| + Khoáng sản phong phú, tạo điều kiện để phát triển công nghiệp. | 0,25 |
| **\* Khó khăn** | 0,25 |
| - Miền Đông: Thường chịu ảnh hưởng của bão, lụt. | 0,25 |
| - Miền Tây: Địa hình núi cao, hiểm trở gây trở ngại cho giao thông, sản xuất; Khí hậu lục địa khắc nghiệt. | 0,25 |
| **2** | **Chứng minh công nghiệp Trung Quốc có sự phân hóa về mặt lãnh thổ. Giải thích nguyên nhân của sự phân hóa đó.** | **1,0** |
|  | - Hoạt động công nghiệp có sự phân hóa giữa miền Đông và miền Tây. |  |
| + Miền Đông là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao với nhiều trung tâm công nghiệp có quy mô lớn và rất lớn (Thiên Tân, Thượng Hải...); đặc biệt là vùng duyên hải ven biển. | 0,25 |
| + Miền Tây hoạt động sản xuất công nghiệp rất thưa thớt, số lượng trung tâm công nghiệp ít, chỉ có một số trung tâm công nghiệp với quy mô nhỏ hơn (Urumsi). | 0,25 |
| - Giải thích |  |
| + Miền Đông: Mức độ tập trung công nghiệp cao do có sự đồng bộ về các nhân tố ảnh hưởng (vị trí địa lí thuận lợi, điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi, có lịch sử phát triển kinh tế lâu đời..). | 0,25 |
| + Miền Tây: Hoạt động sản xuất công nghiệp rất thưa thớt là do thiếu đồng bộ của các nhân tố ảnh hưởng (vị trí địa lí khó khăn, cơ sở hạ tầng hạn chế...) | 0,25 |
|  | **1** |  a) **Xử lí số liệu** *(HS không ghi đơn vị, tên bảng số liệu, sai số liệu mỗi quốc gia thì - 0,25đ/1 bảng)* | **1,0** |
| **V****4,0đ** |  | - Tính giá trị nhập khẩu**Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của một số quốc gia****trên thế giới năm 2015** *(Đơn vị: tỉ USD)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Hoa Kì** | **Trung Quốc** | **Nhật Bản** | **Hàn Quốc** |
| Giá trị xuất khẩu | 2246,3 | 2431,3 | 773,0 | 516,7 |
| **Giá trị nhập khẩu** | **2786,3** | **2045,8** | **787,2** | **438,3** |
| Tổng giá trị xuất nhập khẩu | 5050,6 | 4468,3 | 1560,2 | 955,0 |

 |  |
| - Tính tỉ trọng xuất khẩu, nhập khẩu | **1,0** |
| **Tỉ trọng giá trị xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của một số quốc gia trên thế giới năm 2015** *(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Hoa Kì** | **Trung Quốc** | **Nhật Bản** | **Hàn Quốc** |
| Xuất khẩu | 44,8 | 54,4 | 49,5 | 54,1 |
| Nhập khẩu | 55,2 | 45,6 | 50,5 | 45,9 |

 |  |
| **b) Biểu đồ thích hợp nhất**: Cột chồng | **0,5** |
| **2** | **Nhận xét cán cân thương mại hàng hóa, dịch vụ của các quốc gia năm 2015. Giải thích cán cân thương mại của Hoa Kì?**  | **1,5** |
|  | **a) Nhận xét** |  |
| - Hoa Kì, Nhật Bản là những quốc gia nhập siêu nhưng Hoa Kì có giá trị nhập siêu lớn hơn Nhật Bản (36,76 lần). | 0,25 |
| - Trung Quốc, Hàn Quốc là những quốc gia xuất siêu nhưng Trung Quốc có giá trị xuất siêu lớn hơn Hàn Quốc (4,9 lần). | 0,25 |
| **b) Hoa Kì là một quốc gia nhập siêu vì:** |  |
| - Hoa Kì là cường quốc kinh tế lớn, đông dân, mức sống cao nên nhập khẩu để đáp ứng cho nhu cầu tiêu dùng và phát triển sản xuất.  | 0,25 |
| - Giá thành nhập khẩu của hàng hóa rẻ hơn so với sản xuất trong nước. | 0,25 |
| - Hoa Kì là quốc gia đầu tư ra nước ngoài nhiều. | 0,25 |
| - Hoa Kì là nước đứng đầu thế giới về chuyển giao khoa học - công nghệ. | 0,25 |
| **Điểm toàn bài: Câu I + Câu II + Câu III + Câu IV + Câu V = 20 điểm** |

--- HẾT ---